

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2025

V/v ly hôn giữa ông L với bà H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Đông

Ông Phạm Thành Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 17/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: số E, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: số E, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông L và bà H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2024, bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn ông Huỳnh Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M (nay là thị trấn P, huyện M),

tỉnh Bến Tre ngày 14/3/1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hợp nhau; vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2023 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Ông có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu Tòa án xem xét đến việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung **tên Huỳnh Thị Thúy A, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1994 và Huỳnh Thị Bích P, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1996; cả 02 con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.**

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông bận công việc làm ăn, không thể đến Tòa giải quyết vụ án nên ông xin được vắng mặt trong vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, hồ sơ khởi kiện photo theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà H đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa ông Huỳnh Văn L với bà Nguyễn Thị Mỹ H là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn bà H có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng bị đơn bà H vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2; ông L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà H.

[2] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn L với bà Nguyễn Thị Mỹ H kết hôn vào năm 1994, hôn nhân do ông bà tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M (nay là thị trấn P, huyện M), tỉnh Bến Tre vào ngày 14/3/1994 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Ông L xác định, trong thời gian vợ chồng chung sống ông bà có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; mâu thuẫn kéo dài nhưng ông bà không khắc phục được nên cả hai đã sống ly thân. Đến nay, ông L xác định quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H không thể kéo dài nên cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà H thực tế đang tồn tại và ông bà đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà H không tham gia phiên hòa giải, không đến tham gia phiên tòa; điều đó cho thấy bà H không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để xác định, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L với bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L.

[3] Về con chung: Ông L và bà H có 02 con chung tên **Huỳnh Thị Thúy A, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1994** (Theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã P, huyện M số 40 ngày 04/7/1995) và **Huỳnh Thị Bích P, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1996** (Theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã P, huyện M số 143 ngày 31/10/1996). Ông L xác định 02 con chung đã trưởng thành và có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung. Xét thấy, bà H vắng mặt trong quá trình tố tụng, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H về phần tài sản chung và nợ chung. Do đó, Tòa án không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: Ông L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Huỳnh Văn L ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H.
2. Về con chung: Có 02 con chung **tên Huỳnh Thị Thúy A, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1994 và Huỳnh Thị Bích P, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1996; cả 02 con chung đều** đã trưởng thành, có công việc ổn định nên Tòa án không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.
4. Về án phí: Ông Huỳnh Văn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí **mà ông đã nộp** là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007607 ngày 03/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Dương sự đã nộp đủ án phí.

Ông L và bà H vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND thị trấn Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Huyền